

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUYỀN MỘC
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 23-3-2018

Về việc ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYỀN MỘC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Duy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Thị Mai Hương.

2. Ông Nguyễn Ngọc Khanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hạnh Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Đình Rư - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 373/2017/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2017, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã C, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. “Có mặt”

Bị đơn: Bà Trần Thị S, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã C, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. “Có mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/8/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Nguyễn Văn X trình bày:

Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn X và bà Trần Thị S tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1996, được hai bên gia đình đồng ý, có tổ chức đám cưới, nhưng chưa đăng ký kết hôn. Đến năm 2013 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân

do vợ chồng không hợp nhau và bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vì vậy tình cảm vợ chồng bị rạn nứt và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể khắc phục được. Hai bên đã sống ly thân, không còn quan hệ gì về kinh tế cũng như tình cảm. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ sống chung, nên ông X yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà S.

Về con chung: Ông Nguyễn Văn X và Trần Thị S có 03 người con chung tên là Nguyễn Thị Phi O, sinh ngày 04/10/1997; Trần Thị Phi Y, sinh ngày 11/4/2005 và Trần Trọng N, sinh ngày 14/6/2006. Hiện nay cháu Nguyễn Thị Phi O đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn ông X nhường quyền trực tiếp nuôi các cháu Trần Thị Phi Y và Trần Trọng N cho bà S nuôi và không cấp dưỡng nuôi con.

Trong đơn khởi kiện, ông X trình bày cháu Nguyễn Văn Tiến Đ, sinh ngày 20/8/2008 là con chung của ông X và bà S, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, ông X xác nhận cháu Đ là con riêng của ông X với người phụ nữ khác, không phải con bà S, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với cháu Đ.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại bản khai đề ngày 18/9/2017 và trong quá trình xét xử, bị đơn bà Trần Thị S trình bày:

Về hôn nhân: Bà Trần Thị S và ông Nguyễn Văn X chung sống với nhau từ năm 1996, nhưng chưa đăng ký kết hôn, đến năm 2013 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Hôn nhân của ông bà là tự nguyện, không bị ai ép buộc, được hai bên gia đình đồng ý và có tổ chức đám cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung rất hạnh phúc đến khoảng năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông X đi theo người phụ nữ khác một thời gian dài, có con riêng tên là Nguyễn Văn Tiến Đ, đến khi cháu khoảng 05 tuổi thì ông X dẫn về sống chung cùng bà S. Nay ông X lên mạng và quen một người phụ nữ khác và đã làm đơn ly hôn bà S. Bà S không đồng ý ly hôn ông X, muốn ông X trở về đoàn tụ, cùng bà lo cho các con còn nhỏ và nếu ông X vẫn nhất quyết ly hôn thì bà S đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Bà Trần Thị S và ông Nguyễn Văn X có 03 người con chung tên là Nguyễn Thị Phi O, sinh ngày 04/10/1997; Trần Thị Phi Y, sinh ngày 11/4/2005 và Trần Trọng N, sinh ngày 14/6/2006. Hiện nay cháu Nguyễn Thị Phi O đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà S yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi các cháu Trần Thị Phi Y và Trần Trọng N, không yêu cầu ông X phải cấp dưỡng nuôi con.

Đối với cháu Nguyễn Văn Tiến Đ, bà S xác nhận là con riêng của ông X với người phụ nữ khác, không phải là con ruột của bà S, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định pháp luật. Đối với các đương sự: Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho Nguyễn Văn X được ly hôn bà Trần Thị S và giao các cháu Trần Thị Phi Y và Trần Trọng N cho bà Trần Thị S được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, ông X không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc nhận định:

[1]. *Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp*: Ông Nguyễn Văn X yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn bà Trần Thị S, sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã C, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. Xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về hôn nhân*: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 275, quyển số 02, ngày 21/6/2013 của Ủy ban nhân dân xã C, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, xác định hôn nhân của ông Nguyễn Văn X và bà Trần Thị S là hợp pháp. Sau một thời gian chung sống hạnh phúc thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mặt khác ông X đi theo người phụ nữ khác một thời gian dài và có con riêng, nên tình cảm vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng, không thể hàn gắn. Hai bên đã sống ly thân, không còn quan hệ về tình cảm cũng như mặt kinh tế. Xét thấy hôn nhân của ông Nguyễn Văn X và bà Trần Thị S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này sẽ không mang lại hạnh phúc, Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông Nguyễn Văn X được ly hôn bà Trần Thị S theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3]. *Về con chung*: Trong thời kỳ hôn nhân, ông Nguyễn Văn X và bà Trần Thị S có 03 người con chung tên là Nguyễn Thị Phi O, sinh ngày 04/10/1997; Trần Thị Phi Y, sinh ngày 11/4/2005 và Trần Trọng N, sinh ngày 14/6/2006. Đối với cháu Nguyễn Thị Phi O đã trưởng thành, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Khi ly hôn ông X nhường quyền trực tiếp nuôi dưỡng các cháu Y và N cho bà S. Bà S đồng ý nuôi các cháu Y và N và không yêu cầu ông X phải cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử thấy rằng hiện nay cháu Y và cháu N đang sống với bà S và các cháu đều có nguyện vọng được ở với bà S khi ông X và bà S ly hôn. Vì vậy, cần giao cháu Y và cháu N cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với yêu cầu của các bên đương sự.

Đối với cháu Nguyễn Văn Tiến Đ, ông X và bà S đều xác nhận cháu Đ là con riêng của ông X với người phụ nữ khác và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Thị S không yêu cầu, nên ông X không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4]. *Về tài sản và nợ chung*: Ông Nguyễn Văn X và bà Trần Thị S không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì ông Nguyễn Văn X phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Ông Nguyễn Văn X được ly hôn bà Trần Thị S.

2. *Về con chung*: Giao các cháu Trần Thị Phi Y, sinh ngày 11/4/2005 và Trần Trọng N, sinh ngày 14/6/2006 cho bà Trần Thị S được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn X không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Văn X có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. *Về án phí*: Ông Nguyễn Văn X phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007465 ngày 22 tháng 8 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Ông Nguyễn Văn X đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

6. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Xuyên Mộc;
- Chi cục THADS huyện Xuyên Mộc;
- UBND xã C, huyện Xuyên Mộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Văn Duy